

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành chính sách khuyến khích phát triển
giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của
Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Xét Tờ trình số 271/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách khuyến khích phát triển giao thông
nông thôn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2025; Báo cáo số 1140/BC-KTNS
ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân
tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc ban hành chính sách khuyến khích phát
triển giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2025; ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông
thôn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2025, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ kiên cố hóa mặt đường đối với đường xã và đường thôn (bản)

a) Đối tượng hỗ trợ:

Các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới thuộc các huyện và thị xã Nghi
Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Các công trình giao thông được xem xét hỗ trợ phải đáp ứng yêu cầu về quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải về ban hành hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 và tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014, Quyết định số 1415/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2017, Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- Đường xã: Chiều rộng nền đường $B_n \geq 6,5m$; chiều rộng mặt đường $B_m \geq 4,5m$.

- Đường thôn (bản): Chiều rộng nền đường $B_n \geq 5,0m$ (4,0m); chiều rộng mặt đường $B_m \geq 3,0m$.

- Kết cấu mặt đường: Đá dăm láng nhựa, bê tông nhựa Carboncor Asphalt, bê tông nhựa hoặc mặt đường bê tông xi măng (chiều dày $d \geq 18cm$, bê tông mác 300# đối với mặt đường bê tông xi măng).

c) Mức hỗ trợ:

- Vùng 1: Các xã thuộc các huyện đồng bằng và thị xã Nghi Sơn, trừ các xã miền núi ở các huyện đồng bằng và thị xã Nghi Sơn, mức hỗ trợ cụ thể như sau:

+ Đường xã: 400 triệu đồng/km.

+ Đường thôn: 265 triệu đồng/km.

- Vùng 2: Các xã của 11 huyện miền núi, các xã miền núi của các huyện đồng bằng và thị xã Nghi Sơn; các xã trong danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ (trừ các xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc), mức hỗ trợ cụ thể như sau:

+ Đường xã: 600 triệu đồng/km.

+ Đường thôn (bản): 400 triệu đồng/km.

- Vùng 3: Các xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc, mức hỗ trợ cụ thể như sau:

+ Đường xã: 725 triệu đồng/km.

+ Đường thôn (bản): 485 triệu đồng/km.

2. Hỗ trợ mở rộng đường mòn

a) Đối tượng hỗ trợ:

Các xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc (Vùng 3).

b) Điều kiện hỗ trợ:

Đường mòn được mở rộng phải bảo đảm chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m (trường hợp đặc biệt do địa hình khó khăn, phức tạp thì chiều rộng nền đường phải bảo đảm tối thiểu 2,5m) cho xe máy, xe đạp, người đi bộ qua lại.

c) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 40 triệu đồng/km.
- Hỗ trợ 100% kinh phí nổ mìn phá đá để mở đường (nếu có).

3. Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa công trình thoát nước, hệ thống an toàn giao thông:

a) Đối tượng hỗ trợ:

Các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới thuộc các huyện và thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Các công trình cầu, hệ thống thoát nước, hệ thống an toàn giao thông được xem xét hỗ trợ phải đáp ứng yêu cầu về quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật sau:

+ Đối với công trình cầu:

Cầu xây dựng mới: Quy mô khô cầu $\geq 5,0\text{m}$; chiều dài cầu $L_c \leq 30\text{m}$; tải trọng tối thiểu HL93. Kết cấu cầu bê tông cốt thép, cầu thép.

Cầu sửa chữa: Cải tạo, sửa chữa cầu giao thông nông thôn trên cơ sở hiện trạng cầu hiện có.

+ Đối với công trình đường tràn: Bê tông cốt thép, bê tông xi măng hoặc đá hộc xây vữa xi măng.

+ Đối với công trình cống: Bê tông cốt thép.

+ Đối với hệ thống rãnh thoát nước, an toàn giao thông: Bê tông, bê tông cốt thép hoặc gạch xây vữa xi măng; biển báo hiệu theo quy định.

- Sửa chữa, xây dựng mới các công trình thoát nước, an toàn giao thông: cầu nhỏ có chiều dài $L_c \leq 30\text{m}$, đường tràn, cống qua đường, hệ thống thoát nước, an toàn giao thông trên các tuyến đường xã ở cả 3 vùng có tổng kinh phí xây lắp ≤ 2.000 triệu đồng.

c) Mức hỗ trợ:

- Vùng 1: Các xã thuộc các huyện đồng bằng và thị xã Nghi Sơn, trừ các xã miền núi ở các huyện đồng bằng và thị xã Nghi Sơn: Hỗ trợ 65% giá trị xây lắp.

- Vùng 2: Các xã của 11 huyện miền núi, các xã miền núi của các huyện đồng bằng và thị xã Nghi Sơn; các xã trong danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ (trừ các xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc): Hỗ trợ 85% giá trị xây lắp.

- Vùng 3: Các xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc: Hỗ trợ 95% giá trị xây lắp.

Điều 2. Trình tự, thủ tục thực hiện chính sách

1. Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2025; Sở Giao thông vận tải phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về tiêu chí phân bổ kinh phí hàng năm cho các địa phương.

2. Vào tháng 6 hằng năm, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã căn cứ vào khả năng huy động nguồn vốn đối ứng để tiến hành xây dựng kế hoạch phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn cho năm sau, nêu rõ các công trình, dự án đề nghị hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên gửi Sở Giao thông vận tải tổng hợp.

3. Trên cơ sở kế hoạch đề nghị hỗ trợ, Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ.

4. Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao cho các địa phương, Sở Tài chính có trách nhiệm thông báo phân bổ nguồn kinh phí hỗ trợ một lần ngay từ đầu năm để các địa phương triển khai thực hiện.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

Từ nguồn sự nghiệp kinh tế hằng năm ngân sách tỉnh.

Điều 4. Thời gian thực hiện chính sách

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Đỗ Trọng Hưng**